

Thông tin đính kèm mục E-ĐKC 21.1 Chương VII - Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Quy trình tổ chức bàn giao, kiểm tra hàng hóa

I. Kiểm tra, bàn giao hàng hóa

1. Kiểm tra bàn giao:

Khi giao nhận hàng, Nhà thầu có trách nhiệm cử đại diện có đủ năng lực, kinh nghiệm về hàng hóa/thiết bị đến kho hoặc địa điểm chỉ định của Chủ đầu tư để tiến hành kiểm tra và bàn giao hàng hoá với Chủ đầu tư.

Đại diện của Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ kiểm tra về chủng loại, số lượng, tình trạng ngoại quan, nhãn mác, serial (nếu có) và tiến hành bàn giao hàng hóa của mỗi lô hàng. Kết quả kiểm tra, bàn giao hàng hóa sẽ được ghi nhận trong Biên bản bàn giao hàng hóa của mỗi lô hàng và được ký bởi đại diện của hai bên. Biên bản bàn giao này sẽ là chứng từ pháp lý trong trường hợp xảy ra khiếu nại (hàng hóa bị hư hỏng, thiếu hụt – nếu có).

2. Kiểm tra KCS:

2.1. Nội dung kiểm tra

Trong vòng [... ghi số ngày theo Chương V – E-HSMT] ngày kể từ ngày hàng hóa của mỗi lô hàng được bàn giao tại kho/địa điểm của Chủ đầu tư, đại diện của hai bên sẽ hoàn thành kiểm tra và lập thành Biên bản kiểm tra (sau đây viết tắt là BBKT) của mỗi lô hàng. Nội dung kiểm tra như sau:

- Chủng loại, số lượng, xuất xứ, hãng sản xuất, năm sản xuất, số serial (nếu có), quy cách hàng hoá;
- Chỉ tiêu kỹ thuật quy định tại Phụ lục 2 theo phương pháp, tiêu chí như quy định tại Phụ lục 3.2 của Hợp đồng;
- Chứng từ giao hàng.

Việc kiểm tra phần mềm (nếu có) sẽ được thực hiện trong thời gian kiểm tra kỹ thuật của hàng hóa.

2.2. Nguyên tắc lấy mẫu

Chủ đầu tư có quyền lựa chọn ngẫu nhiên số lượng hàng hóa từ mỗi lô hàng Nhà thầu giao (gọi tắt là “Hàng mẫu KCS”) để kiểm tra chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật.

2.2.1 Kiểm tra KCS tại kho/Địa điểm quy định của Chủ đầu tư:

Số lượng mẫu KCS và số lượng lỗi theo cho phép tham chiếu theo Bảng giới hạn nghiệm thu chất lượng - Acceptance Quality Limit (sau đây gọi là Bảng AQL) dưới đây:

TT	Số lượng hàng hóa trong lô hàng	Số lượng mẫu KCS tối thiểu/lô hàng (theo GIL II)	Số lượng mẫu thử nghiệm tối đa/lô hàng (theo S-1)	Số lượng lỗi cho phép/lô hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	2 ÷ 8	2	2	0
2	9 ÷ 15	3	2	0
3	16 ÷ 25	5	2	0
4	26 ÷ 50	8	2	0
5	51 ÷ 90	13	3	0
6	91 ÷ 150	20	3	0
7	151 ÷ 280	32	3	0
8	281 ÷ 500	50	3	≤1
9	501 ÷ 1.200	80	5	≤2
10	1.201 ÷ 3.200	125	5	≤3
11	3.201 ÷ 10.000	200	5	≤5
12	10.001 ÷ 35.000	315	5	≤7
13	35.001 ÷ 150.000	500	8	≤10
14	150.001 ÷ 500.000	800	8	≤14
15	≥ 500.001	1250	8	≤21

- Trường hợp lấy mẫu thử nghiệm theo S-1 cột (4) thì số lượng lỗi cho phép đối với các mẫu thử nghiệm là 0.

- Với các hàng hóa đặc thù cần thời gian thử nghiệm dài như ắc quy, anten,...: số lượng mẫu thử nghiệm tối đa cho mỗi hợp đồng là từ 2 đến 5 mẫu và số lượng lỗi cho phép đối với các mẫu thử nghiệm là 0.

2.2.2 Kiểm tra tại các tổ chức đo kiểm bên ngoài: (nếu có theo yêu cầu kỹ thuật):

- Đối với các chỉ tiêu kỹ thuật cần đo kiểm tại tổ chức hoặc bên thứ ba có chức năng đo kiểm (sau đây gọi tắt là ‘Tổ chức đo kiểm bên ngoài’) theo quy định tại Phụ lục 3.2, Chủ đầu tư lựa chọn số lượng mẫu thử nghiệm tại Bảng AQL (Cột số (4)) để đo kiểm, thử nghiệm.
- Tổ chức đo kiểm bên ngoài là các đơn vị có năng lực được chỉ định bởi Chủ đầu tư theo thứ tự ưu tiên như sau: (1) Đơn vị có chứng chỉ ISO/IEC 17025; (2) Đơn vị không có chứng chỉ ISO/IEC 17025 nhưng được Bộ chủ quản công nhận năng lực thử nghiệm; (3) Đơn vị không có chứng chỉ ISO/IEC 17025 nhưng có phương tiện đo/công cụ đảm bảo năng lực đo kiểm/thử nghiệm.
- Đối với các chỉ tiêu kỹ thuật có bài đo phá hủy (bài đo gây phá hủy hoặc làm thay đổi tính chất, chất lượng của hàng hóa) dẫn đến hàng hóa bị hỏng sau khi

thử nghiệm, không đảm bảo chất lượng đưa vào sử dụng thì Nhà thầu có trách nhiệm cấp bù số lượng hàng hóa tương ứng cho Chủ đầu tư.

3. Xử lý kết quả kiểm tra và bàn giao

- 3.1 Trường hợp số lượng lỗi cho phép/lô hàng không đáp ứng Bảng AQL, Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục, hoặc bổ sung hoặc thay thế toàn bộ lô hàng có lỗi đó không chậm hơn thời hạn giao hàng theo quy định tại Hợp đồng.
- 3.2 Trong mọi trường hợp, ngày Chủ đầu tư nhận được hàng hóa thay thế/bổ sung/khắc phục chậm trễ so với thời hạn giao hàng quy định, Nhà thầu sẽ chịu phạt giao chậm như quy định tại Mục 22 E-ĐKC và E-ĐKCT.
- 3.3 Sau khi nhận được lô hàng thay thế/bổ sung/khắc phục, Chủ đầu tư thực hiện kiểm tra lại theo quy định tại Mục I.2 - Kiểm tra KCS.

Trường hợp kết quả kiểm tra cho thấy hàng hoá của lô hàng thay thế hoặc bất cứ lô hàng tiếp theo nào vẫn không đáp ứng số lượng lỗi cho phép/lô hàng theo Bảng AQL hoặc thời gian Nhà thầu khắc phục/thay thế vượt quá 08 tuần so với thời gian giao hàng quy định tại Hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối một phần hoặc toàn bộ hàng hóa/thiết bị của Nhà thầu và chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng và Nhà thầu chịu trách nhiệm như quy định tại Mục 22, 29 E-ĐKC, Mục 22 E-ĐKCT và Điều 4 của văn bản Hợp đồng.

- 3.4 Trường hợp số lượng lỗi cho phép/lô hàng đáp ứng Bảng AQL, Chủ đầu tư sẽ chấp nhận lô hàng. Nhà thầu có trách nhiệm thay thế hàng lỗi (nếu có) bằng hàng hóa đáp ứng quy định của Hợp đồng.

4. Ký Biên bản bàn giao hàng hóa tổng thể (HOC)

HOC sẽ được ký (chữ ký điện tử/chữ ký số được chấp nhận) và đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên trong vòng 05 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đúng, đủ toàn bộ hàng hoá và chứng từ phù hợp theo quy định tại Hợp đồng.

II. Kiểm tra, đánh giá sau khi lắp đặt (TAM)

1. Lắp đặt Hàng hóa

- Chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp mặt bằng và hàng hoá lắp đặt cho Nhà thầu tại địa điểm lắp đặt trong vòng [ghi số ngày theo Chương V – E-HSMT] ngày kể từ ngày Biên bản kiểm tra lô hàng cuối cùng. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành cài đặt, lắp đặt, cấu hình, tích hợp toàn bộ hàng hóa trong vòng [ghi số ngày theo Chương V – E-HSMT] ngày kể từ ngày Biên bản bàn giao mặt bằng và hàng hoá lắp đặt được đại diện hai bên ký.
- Biên bản hoàn thành lắp đặt sẽ được ký bởi đại diện của hai bên trong vòng [ghi số ngày theo Chương V – E-HSMT] ngày kể từ ngày Nhà thầu hoàn thành công

việc lắp đặt và Chủ đầu tư đã nhận được tài liệu thiết kế, lắp đặt theo quy định của Hợp đồng.

2. Kiểm tra, đánh giá kỹ thuật sau khi lắp đặt

- Hai bên sẽ tiến hành và hoàn thành kiểm tra, đo các thông số kỹ thuật trong vòng [... ghi số ngày theo Chương V – E-HSMT] ngày kể từ ngày hoàn thành cài đặt, lắp đặt, cấu hình, tích hợp và lập thành Biên bản ghi nhớ kiểm tra kỹ thuật (TAM).
- Nếu kết quả kiểm tra xác định hàng hoá phù hợp với quy định tại Hợp đồng, Nhà thầu đã hoàn thành dịch vụ tính tới thời điểm này theo quy định của Hợp đồng, Biên bản ghi nhớ kiểm tra kỹ thuật (TAM) sẽ được ký và đóng dấu (chữ ký điện tử/chữ ký số được chấp nhận) bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên trong vòng [... ghi số ngày theo Chương V – E-HSMT] ngày kể từ ngày hoàn thành kiểm tra, đo kiểm.
- Bất cứ thời điểm nào trong quá trình đánh giá kiểm tra kỹ thuật nêu trên, Chủ đầu tư phát hiện và xác định hàng hoá không phù hợp như quy định của Hợp đồng, Nhà thầu bằng chi phí của mình, có trách nhiệm khắc phục, bổ sung hoặc sửa chữa/thay thế hàng hoá lỗi hoặc thay thế toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng bằng hàng hóa đáp ứng quy định của Hợp đồng trong thời gian thực hiện như quy định tại Hợp đồng. Trong mọi trường hợp, nếu thời gian khắc phục lỗi của Nhà thầu chậm so với tiến độ theo quy định thì Nhà thầu sẽ chịu phạt chậm như quy định tại Mục 22 E-ĐKC và Mục 22 E-ĐKCT của Hợp đồng.
- Trong tất cả các trường hợp, các thiết bị được khắc phục/sửa chữa/thay thế/bổ sung sẽ được kiểm tra lại. Sau khi khắc phục/sửa chữa/bổ sung/thay thế mà hàng hoá vẫn không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định trong Hợp đồng; hoặc Nhà thầu khắc phục vượt quá 8 tuần so với tiến độ thực hiện Hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng và Nhà thầu chịu trách nhiệm như quy định tại Mục 22, 29 E-ĐKC và Mục 22 E-ĐKCT và Điều 4 của văn bản Hợp đồng.

III. Kiểm tra, đánh giá hàng hóa khi có tải (TAT)

1. Hàng hóa được đưa vào vận hành để kiểm tra kỹ thuật khi có tải trong thời gian [... ghi số ngày theo Chương V – E-HSMT] ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản ghi nhớ kiểm tra kỹ thuật (TAM), sau đây gọi là "thời gian chạy có tải". Phương pháp, chỉ tiêu kiểm tra được quy định tại Phụ lục 3.2 của Hợp đồng.
2. Sau khi kết thúc thời gian chạy có tải, Chủ đầu tư thực hiện kiểm tra đánh giá lại tổng thể các chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa và các phạm vi công việc khác liên quan (nếu có). Trường hợp kết quả kiểm tra đánh giá hàng hóa đáp ứng theo quy định của Hợp đồng thì Biên bản kiểm tra kỹ thuật giai đoạn TAT (TAT) của

Hợp đồng sẽ được ký (chữ ký điện tử/chữ ký số được chấp nhận) bởi đại diện của hai bên không muộn hơn [... ghi số ngày theo Chương V – E-HSMT] ngày kể từ ngày kết thúc thời gian chạy có tải.

IV. Ký Chứng nhận nghiệm thu kỹ thuật (TAC)

Chứng nhận nghiệm thu kỹ thuật (TAC) của Hợp đồng sẽ được phát hành (ký và đóng dấu, chữ ký điện tử/ chữ ký số được các bên chấp nhận) bởi đại diện có thẩm quyền của Chủ đầu tư trong vòng [... ghi số ngày theo Chương V – E-HSMT] ngày kể từ ngày ký Biên bản kiểm tra kỹ thuật giai đoạn TAC (TAT), với điều kiện Nhà thầu đã hoàn thành hết các phạm vi công việc theo quy định của Hợp đồng.

V. Các nội dung khác

- Trường hợp kết quả kiểm tra cho thấy hàng hóa không phù hợp với Hợp đồng, Nhà thầu nhận được thông báo của Chủ đầu tư yêu cầu thu hồi toàn bộ lô hàng lỗi trong trường hợp phải sửa chữa/thay thế/bổ sung hoặc trả lại hàng, Nhà thầu có trách nhiệm thu hồi hàng lỗi tại kho của Chủ đầu tư trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo trên. Nếu không, Nhà thầu sẽ chịu toàn bộ các phí, chi phí liên quan đến việc lưu kho của lô hàng lỗi.
- Trong mọi trường hợp khi có sự cố phát sinh, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải liên hệ với Chủ đầu tư hoặc cử kỹ sư có kinh nghiệm hoặc chuyên gia của hãng trong vòng 48h kể từ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư đến cùng tìm nguyên nhân (nếu có yêu cầu của Chủ đầu tư), đề xuất phương án giải quyết, khắc phục để hạn chế thiệt hại cho các bên.